

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 190/2019/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1989

ĐKKHKT: Thôn 11 (thôn T cũ), xã Đ, thành phố T, tỉnh T.

Nơi ở: Đội 12, thôn P, xã C, huyện S, tỉnh T.

- *Bị đơn*: Anh **Trần Quốc H** (tức Trần Văn H), sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn 11 (thôn T cũ), xã Đ, thành phố T, tỉnh T.

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82 và 83 - Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 8 năm 2019,

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Quốc H (tức Trần Văn H).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Giao con chung là Trần Đình T, sinh ngày 09/6/2010 (bị thiếu năng trí tuệ) cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục sau ly hôn, anh Trần Quốc H (tức Trần Văn H) không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T (do hiện tại chị T không yêu cầu).

Anh Trần Quốc H (tức Trần Văn H) có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

- *Về tài sản chung*: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Quốc H (tức Trần Văn H) đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về vay nợ chung*: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Quốc H (tức Trần Văn H) xác định vợ chồng không vay nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện nhận chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nh- ng đ- ợc trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000466 ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho chị T số tiền chênh lệch là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí của vụ án.

Anh Trần Quốc H (tức Trần Văn H) không phải nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP.Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP.Tuyên Quang (để TH);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Đội Cấn, TP.Tuyên Quang (để biết);
- Lưu hồ sơ VA+ TA

THẨM PHÁN

Đào Thị Thu Thủy